

Số: BC/UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2021

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo quy định của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Định báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2021 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính

Ban Cán sự đảng UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025. Đồng thời, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy và các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

Triển khai Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định 2021¹, trong 6 tháng đầu năm UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện các nội dung trọng tâm của công tác chỉ đạo điều hành về cải cách hành chính như: Ban hành và triển khai Kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính; ban hành Quyết định số 21/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 11 của Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 19/2019/UBND ngày 04/5/2019 của UBND tỉnh; chỉ đạo việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định và bộ chỉ số đánh giá công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo ban hành các kế hoạch triển khai các lĩnh vực về công tác cải cách hành chính: Kế hoạch rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021... làm cơ sở triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính đảm bảo mục tiêu chung đề ra.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch

¹ Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh

UBND tỉnh ra Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và thực hiện nhiệm vụ, kết luận, chỉ đạo của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

Trên cơ sở Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2020 và đề xuất giải pháp cải thiện thứ hạng năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện vị trí thứ hạng Chỉ số PCI của tỉnh trong các năm tiếp theo; đồng thời, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, tham mưu triển khai việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh đối với các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh; tiếp tục chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện các giải pháp cải thiện hơn nữa Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công (PAPI) năm 2021.

UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2020 của các cơ quan, đơn vị, địa phương và kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Một số cơ quan, địa phương là Sở Kế hoạch và Đầu tư, thị xã Hoài Nhơn, huyện Phù Cát, huyện Tây Sơn, huyện Tuy Phước, huyện Vân Canh, huyện Phù Mỹ tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện, đề ra các giải pháp cải thiện chỉ số cải cách hành chính của đơn vị mình trong thời gian đến.

3. Về công tác kiểm tra cải cách hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ của tỉnh tăng cường kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan hành chính tỉnh Bình Định năm 2021². Từ đầu năm đến nay, Tổ kiểm tra đã tiến hành kiểm tra (đợt 1) tại 08/11 huyện, thị xã, thành phố, 26/159 xã, phường, thị trấn và 07 trạm Y tế trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp kiểm tra, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân gây ra tình trạng trễ hẹn và nhanh chóng giải quyết số lượng hồ sơ còn tồn đọng tại UBND các huyện, thị xã, thành phố³.

Văn phòng UBND tỉnh đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP đối với 10 Ủy ban nhân dân cấp xã⁴ và đã có Thông báo kết luận kiểm tra đối với các địa phương trên⁵.

UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy

² Kế hoạch số 01/KH-TKT ngày 06/01/2021 kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định đợt 1 năm 2021; Kế hoạch số 06/KH-TKT ngày 01/06/2021 kiểm tra chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và chấp hành các quy định thực hiện phòng chống dịch Covid-19 tại các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Định đợt 2 năm 2021.

³ Công văn số 2969/UBND-KSTT ngày 25/5/2021 của UBND tỉnh.

⁴ Bao gồm: Phước Thuận (kiểm tra đợt xuất), Phước An, Phước Nghĩa, thị trấn Diêu Trì (thuộc huyện Tuy Phước); Tây Vinh (kiểm tra đợt xuất), Vĩnh An, Bình Thành, Tây An (thuộc huyện Tây Sơn); Mỹ An và Mỹ Lợi (thuộc huyện Phù Mỹ)

⁵ Thông báo số 221/TB-VPUBND ngày 13/5/2021 về kết quả kiểm tra tại UBND các xã thuộc huyện Tây Sơn, Thông báo số 222/TB-VPUBND ngày 14/5/2021 về kết quả kiểm tra tại UBND các xã thuộc huyện Phù Mỹ, Thông báo số 224/TB-VPUBND ngày 14/5/2021 về kết quả kiểm tra tại UBND các xã thuộc huyện Tuy Phước.

trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Bình Định năm 2021⁶.

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành địa phương tập trung phổ biến, quán triệt và thông tin tuyên truyền đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn tỉnh nội dung Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

Để tăng cường hiệu quả công tác tuyên truyền về cải cách hành chính trên nền tảng ứng dụng Zalo, Sở Thông tin và Truyền thông ra mắt chuyên trang “Chính quyền điện tử Bình Định”, Văn phòng UBND tỉnh tăng cường tuyên truyền các nội dung về cải cách hành chính trên chuyên trang “Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định”.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỉnh đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam (VTV1, VTV8) xây dựng phóng sự tuyên truyền về cải cách hành chính gắn với thu hút đầu tư và thực hiện mô hình đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đài Phát thanh và truyền hình, Báo Bình Định đã thực hiện được hơn 100 lượt tin, bài viết, phóng sự tuyên truyền về kết quả đạt được, những mô hình hay, cách làm mới, điển hình và phê phán những hạn chế về công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã có 113 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để tuyên truyền về công tác giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, nhất là đẩy mạnh tuyên truyền về việc thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Du lịch, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế, huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, huyện Hoài Ân, huyện Phù Cát đã triển khai có hiệu quả công tác phổ biến, quán triệt và tuyên truyền bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh ra Quyết định ban hành Danh mục xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết các Luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10; ban hành 25 văn bản quy phạm pháp luật, hoàn thiện các quy định, cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 ban hành Kế hoạch rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật năm 2021. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát 204 văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, UBND tỉnh chỉ đạo xử lý đối với 23 văn bản quy phạm pháp luật. Đồng

⁶ Quyết định số 486/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh

thời, UBND tỉnh ra Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh hết hiệu lực toàn bộ, hết hiệu lực một phần năm 2020; Quyết định bãi bỏ các Quyết định của UBND tỉnh ban hành thông qua công tác rà soát văn bản năm 2020.

Thực hiện Công văn số 1291/BTP-KTrVB ngày 29/4/2021 của Bộ Tư pháp, UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 02/5/2021 về kết quả rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc, ách tắc, cản trở hoạt động đầu tư, kinh doanh và đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định; trong đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về đầu tư kinh doanh để giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định⁷ gồm: việc thi hành pháp luật về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất; về giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng; việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường biển và hải đảo; việc thi hành pháp luật về các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trên một số nhiệm vụ trọng tâm: ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09/02/2021; chỉ đạo việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác rà soát, đánh giá, đơn giản hóa và cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh⁸; đăng ký cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; tăng cường cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai và dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính⁹.

Về công bố, công khai thủ tục hành chính: Từ đầu năm đến nay, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 41 Quyết định công bố Danh mục thủ tục hành chính với 362 thủ tục hành chính (trong đó, ban hành mới: 72 thủ tục hành chính; sửa đổi bổ sung: 239 thủ tục hành chính; thay thế 21 và bãi bỏ 30 thủ tục hành chính); 45 Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết 89 thủ tục hành chính liên thông và 69 thủ tục hành chính không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của cơ quan, đơn vị.

Về vận hành Cổng Dịch vụ công: các sở, ngành đã đăng ký với tổng số 741 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, đạt tỷ lệ 43% tổng số TTHC; theo thống kê đến ngày 20/6/2021, tỉnh Bình Định đã có 293 thủ tục hành chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 11/03/2021 công bố Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định và Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 điều chỉnh Danh mục dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã,

⁷ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh

⁸ Công văn số 2009/UBND-KSTT ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh.

⁹ Công văn số 1327/UBND-KSTT ngày 15/3/2021 của UBND tỉnh.

phường, thị trấn. Đến nay, trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định đã cung cấp 2.032 dịch vụ công trực tuyến, trong đó 193 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 193 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: Chỉ đạo các sở, ngành tham mưu xây dựng các quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính¹⁰; chỉ đạo triển khai thực hiện Công văn số 516/TTg-KSTT ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, đổi mới thực hiện cơ chế một cửa và xây dựng Chính phủ điện tử phục vụ chỉ đạo, điều hành¹¹. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và kết quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và giao Văn phòng UBND tỉnh chuẩn bị các nội dung công việc có liên quan để tổ chức Hội nghị sơ kết trong quý III năm 2021.

Từ ngày 15/12/2020 đến hết ngày 14/6/2021, các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh đã tiếp nhận 255.850 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó số lượng hồ sơ đã giải quyết là 248.462 (giải quyết trước hạn và đúng hạn 245.103 hồ sơ, quá hạn 3.359 hồ sơ), số lượng hồ sơ đang giải quyết là 7.388 hồ sơ (trong hạn 7.246 hồ sơ và quá hạn 142 hồ sơ).

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Về công tác tổ chức bộ máy: Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 về sắp xếp, tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Chính phủ; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục triển khai sắp xếp cơ cấu bên trong của các cơ quan hành chính theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng phòng; giảm số lượng lãnh đạo, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại 06 cơ quan, đơn vị¹², theo đó, cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã giảm 09 tổ chức Phòng (giảm 01 Phòng thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; giảm 08 Phòng thuộc chi cục/ban gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 05 phòng, Sở Khoa học và Công nghệ giảm 01 phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường giảm 02 phòng); giảm 01 phòng thuộc Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định.

¹⁰ Công văn số 2378/UBND-KSTT ngày 28/4/2021 về việc xây dựng quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính trên lĩnh vực Tư pháp - Việc làm, Công văn số 2332/UBND-KSTT ngày 27/4/2021 về việc Quy định thực hiện liên thông nhóm thủ tục hành chính trên lĩnh vực Y tế - Tư pháp.

¹¹ Công văn số 2481/UBND-KSTT ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh.

¹² Bao gồm: các phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp; các phòng chuyên môn và Chi cục chuyên ngành trực Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông trực thuộc Sở Thông tin và Truyền thông; các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Chi cục Quản lý đất đai và Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; các phòng, ban, trung tâm thuộc và trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh; các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định

UBND tỉnh quyết định hợp nhất Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh và Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 07/4/2017 của Tỉnh ủy.

Triển khai rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Đề án vị trí cho công chức, viên chức phù hợp với chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan, đơn vị theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/9/2020 về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Về công tác quản lý biên chế: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5279/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc giao chỉ tiêu biên chế công chức, biên chế sự nghiệp; chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021; thực hiện tiếp nhận công chức và lao động hợp đồng của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh về Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm, UBND tỉnh đã thực hiện chính sách tinh giản biên chế 02 đợt đối với 43 trường hợp (công chức: 12, viên chức: 31); nâng số công chức được thực hiện tinh giản biên chế là 250/2.525 (đạt tỷ lệ 10%); số viên chức được thực hiện tinh giản là 3.003/30.028 (đạt tỷ lệ 10%).

Về thực hiện phân cấp, ủy quyền và cơ chế phối hợp, UBND tỉnh đã ban hành quyết định: Quy định phân cấp, ủy quyền lập, thẩm định, phê duyệt, ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị và quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định; ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan chuyên môn giải quyết công việc, thủ tục hành chính trên lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch; tăng cường việc phân cấp quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai, xây dựng...; Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Bình Định.

4. Cải cách chế độ công vụ

Để đảm bảo tính đồng bộ thống nhất với quy định của Đảng và các nghị định của Chính phủ mới ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo việc hoàn thiện quy định khung tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương các sở, ban, ngành, sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện; Quy chế đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức; Danh mục chuyên ngành và cơ sở đào tạo cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo trình độ sau đại học ở trong nước giai đoạn 2021 - 2025; Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh; Quy định về quản lý Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước.

Công tác cán bộ: Tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh thực hiện quy trình công tác cán bộ, đảm bảo theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước. Trong 6 tháng đầu năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh đã quyết định bổ nhiệm, điều động và bổ nhiệm 10 lãnh đạo sở và tương đương (04 Giám đốc và 06 Phó Giám đốc); bổ nhiệm lại 07 lãnh đạo sở và tương đương (03 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc); Giám đốc các sở bổ nhiệm 17 trưởng phòng và tương đương thuộc và trực

thuộc Sở. Đồng thời, các sở, ngành đã rà soát, bổ sung quy hoạch trường phòng và tương đương thuộc và trực thuộc Sở giai đoạn 2020 - 2025 đối với 124 lượt công chức, viên chức.

Công tác tuyển dụng, công chức, viên chức: UBND tỉnh công nhận kết quả kiểm tra, sát hạch tiếp nhận 19 viên chức, công chức cấp xã thành công chức các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, thực hiện quy trình tiếp nhận 04 viên chức vào làm công chức để bổ nhiệm giữ chức danh lãnh đạo, quản lý không thông qua kiểm tra, sát hạch theo đúng quy định. Hiện nay, có 12 sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch và triển khai tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

Về nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: UBND tỉnh đã chỉ đạo công tác tổ chức kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính và ra Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 phê duyệt kết quả kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hành chính lên chuyên viên chính năm 2021 đối với 109 cán bộ, công chức và 25 viên chức trúng tuyển tại kỳ thi¹³.

UBND tỉnh phê duyệt Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ngạch chuyên viên chính đối với 01 công chức Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với 196 viên chức ngành giáo dục (trong đó, 167 giáo viên đạt kết quả thăng hạng từ giáo viên THPT hạng III lên giáo viên THPT hạng II; 19 giáo viên THCS hạng II lên giáo viên THCS hạng I); 83 viên chức ngành y tế đạt kết quả thăng hạng từ bác sĩ hạng III lên bác sĩ chính hạng II do Bộ Y tế tổ chức và 04 viên chức Sở Văn hóa và Thể thao đạt kết quả thăng hạng từ huấn luyện viên hạng III lên huấn luyện viên chính hạng II; thỏa thuận bổ nhiệm 396 viên chức ngành y tế đạt kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III năm 2020; chuyển ngạch đối với 03 công chức, viên chức các ngạch chuyên viên chính và tương đương do thay đổi vị trí công tác.

Về thực hiện chế độ chính sách: UBND tỉnh quyết định nâng bậc lương thường xuyên phụ cấp thâm niên nghề, thâm niên vượt khung đối với 15 cán bộ, công chức, viên chức; các sở, ngành, địa phương thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định đối với 209 cán bộ, công chức; quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên nghề, thâm niên vượt khung đối với 102 công chức, viên chức; UBND tỉnh quyết định hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với 20 bác sĩ, dược sĩ (04 dược sĩ và 16 bác sĩ) và 30 bác sĩ hưởng chính sách thu hút theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức: Thực hiện tổng kết 05 năm thực hiện Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 về việc phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025; UBND tỉnh ban hành và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 1479/QĐ-UBND

¹³ Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 08/3/2021 về việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính lên chuyên viên chính tỉnh Bình Định năm 2021

ngày 23/4/2021, Quyết định cử 01 viên chức đi đào tạo tiên sĩ ở nước ngoài và cử công chức, viên chức đi học chuyên viên cao cấp.

5. Về cải cách tài chính công

Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; đến nay có 42/42 cơ quan hành chính của tỉnh thực hiện đảm bảo các quy định về cơ chế tự chủ về tài chính hàng năm; đồng thời các cơ quan hành chính của 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 159 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh đã thực hiện cơ chế tự chủ đảm bảo theo quy định.

Thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có 43 đơn vị được giao tự chủ gồm 05 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư; 15 đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên; 11 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; 12 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/06/2016 về quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, có 04 đơn vị đã giao tự chủ, gồm 03 đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và 01 đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

Đối với các lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, Dạy nghề, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch tiếp tục được giao quyền tự chủ về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 có 88 đơn vị, gồm: 01 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và đầu tư, 04 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 68 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, 15 đơn vị do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

Việc công khai ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách hiện nay đã dần đi vào nề nếp, có nhiều chuyển biến, cơ bản đáp ứng quy định về công khai ngân sách nhà nước theo Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017, Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

Để hoàn thiện các quy định, chính sách của tỉnh theo khung pháp lý của trung ương, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh Bình Định; UBND tỉnh ra Quyết định số 5360/QĐ-UBND, ngày 29/12/2020 về việc phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (Phiên bản 2.0), Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 03/02/2021 phê duyệt Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền

số và các dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Bình Định năm 2021.

Tập trung đầu tư hạ tầng trang thiết bị tại Trung tâm IOC và vận hành thử nghiệm các dịch vụ của đô thị thông minh tại thành phố Quy Nhơn. Triển khai đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, bản quyền phần mềm, nâng cấp phần mềm nội bộ, cơ sở dữ liệu tại trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh; nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong thời gian giãn cách xã hội do ảnh hưởng dịch Covid-19, Sở Thông tin và Truyền thông đã cung cấp tài liệu giới thiệu bộ giải pháp công nghệ của Bộ Thông tin và Truyền thông và hướng dẫn triển khai ứng dụng QR-Code để khai báo y tế cho các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh; tạo lập tài khoản Zalo Official Account để tạo thêm kênh tương tác và cập nhật tin tức về tình hình dịch bệnh... Phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kết nối kỹ thuật, tích hợp hệ thống định danh, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh phục vụ nhu cầu khai thác dữ liệu trên nền tảng LGSP để thống nhất sử dụng một tài khoản và mật khẩu khi tham gia hoạt động trên môi trường mạng đối với Công dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh và Hệ thống văn phòng điện tử của tỉnh. Triển khai thực hiện việc ký số và phát hành văn bản điện tử có ký số trên Hệ thống Văn phòng điện tử liên thông giữa Kho bạc nhà nước Bình Định và UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc theo dõi, cập nhập, khai thác trên hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành đối với các văn bản giao nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021 đã hoàn thành 12/13 nhiệm vụ, không có nhiệm vụ trễ hạn).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Ngay từ đầu năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương triển khai công tác cải cách hành chính phù hợp với tình hình thực tế, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2021.

Phát huy vai trò của người đứng đầu trong công tác cải cách hành chính, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đã quan tâm, chú trọng công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính một cách kịp thời, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính.

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính được tích cực triển khai thực hiện, việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính gắn với ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ hành chính công đã có những chuyển biến tích cực, mang lại sự hài lòng cho tổ chức và công dân, tiết kiệm thời gian cho người dân và doanh nghiệp.

2. Một số hạn chế và khó khăn, vướng mắc

Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phát sinh giao dịch còn hạn chế. Tình trạng trễ hẹn trong việc trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên lĩnh vực đất đai tại một số địa phương vẫn còn.

Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị chưa hiệu quả, gây lãng phí ngân sách nhà nước vì hiện nay toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được thực hiện trên Hệ thống một cửa điện tử.

IV. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG QUÝ III

1. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 09-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2020 - 2025.

2. Ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn năm 2021 - 2025.

3. Hoàn thiện các quy định về công tác cán bộ: Quy chế đào tạo cán bộ, công chức, viên chức; Quy định về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh thay thế Quyết định số 06/2009/QĐ-UBND; Quy định về quản lý Người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp Nhà nước.

4. Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện “Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính” theo Quyết định số 468/TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 phê duyệt tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Tổ chức thực hiện kiểm tra cải cách hành chính năm 2021.

UBND tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Viện Nghiên cứu PT KT-XH tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Lưu: VT, KSTT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Hải Giang

Phụ lục
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH
HÀNH CHÍNH TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG
 (Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày / /2021 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC			
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	31	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	25	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	17	
1.2.	Kiểm tra CCHC		-	
1.1.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
1.1.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
1.1.4.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	13	
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	12	
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	-	
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	5.000	
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	25	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	31	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	204	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	-	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	72	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	Thay thế 21, bãi bỏ 30	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	2.011	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	1.493	
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	356	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	162	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1.787	
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	293	
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	118	
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	18	
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,50	
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,06	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,75	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	94,81	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	99,49	
3.5.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	2.011	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	384	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	46	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	21	
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị	-	
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	753	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	08	
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	76	
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	669	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	2.199	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	2.169	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	154	Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	12	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	10,00	250/2.525
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	27.020	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	26.411	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	31	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10,00	3.003/30.028
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	32	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	672	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	-	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	-	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	-	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	Thi tuyển: 26 Xét tuyển: 10	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	01	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	10	
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người	17	
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	-	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		-	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	01	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	-	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	-	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	06	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	38	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	348	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	348	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	-	
7.	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản	195.371	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (<i>Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>).	%	-	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	-	
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	193	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	193	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	15.05	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Từ ngày 15/12/2020 đến ngày 14/6/2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	48.8	